

Bản án số: 47/2024/DS-PT.
Ngày: 24-4-2024.
V/v tranh chấp về hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Quốc Bảo**.

Các Thẩm phán: Ông **Nguyễn Văn Dũng**;

Ông **Nguyễn Hữu Thịnh**.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà **Trần Thị Minh Hiếu** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam:** Ông **Lương Quốc Phòng** - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 24 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 131/2023/TLPT-DS ngày 12 tháng 12 năm 2023 về “Tranh chấp về hợp đồng tín dụng”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 25/2023/DS-ST ngày 29 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 14/2024/QĐXXPT-DS ngày 11 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng N (A).

Địa chỉ: Số B L, phường T, quận B, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: ông Phạm Toàn V, chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Trần Xuân H, chức vụ: Giám đốc Ngân hàng N - Chi nhánh huyện N, tỉnh Quảng Nam; địa chỉ: Số B N, thị trấn N, huyện N, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

2. Bị đơn: ông Huỳnh Văn K, sinh năm 1964.

Địa chỉ: thôn Đ, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: bà Đặng Thị T, sinh năm 1967.

Địa chỉ: thôn Đ, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

4. Người kháng cáo: bị đơn ông Huỳnh Văn K.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn Ngân hàng N (A) và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 05/8/2016 giữa Ngân hàng A và ông Huỳnh Văn K ký kết Hợp đồng tín dụng số 4208-LAV-201601535; theo thỏa thuận của các bên thì Ngân hàng A cho ông Huỳnh Văn K vay với số tiền là 14.989.000.000 đồng, mục đích vay là đóng mới tàu cá và mua sắm trang thiết bị phục vụ cho việc khai thác xa bờ theo quy định của Nghị định số 67/2014/NĐ-CP; thời hạn vay là 15 năm 05 tháng; thời hạn trả nợ là 14 năm 05 tháng, theo phân kỳ hạn trả nợ hằng năm. Thực hiện hợp đồng vay, Ngân hàng A đã giải ngân cho ông Huỳnh Văn K số tiền là 14.847.450.000 đồng. Đồng thời, ông Huỳnh Văn K cùng với vợ là bà Đặng Thị T đã dùng tài sản là tàu cá số đăng ký QNa-91829-TS và toàn bộ ngư lưới cụ phục vụ việc đánh bắt cá để thế chấp đảm bảo khoản vay theo Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 08/08/2016/TC/HTTL ngày 05/8/2016 và Phụ lục hợp đồng thế chấp tài sản số 18/03/2017/TC/HTTL-PL ngày 15/3/2017. Trong quá trình thực hiện hợp đồng vay thì ông Huỳnh Văn K chỉ trả được số tiền nợ gốc là 706.860.163 đồng, ngoài ra ông K không trả nợ đúng theo thỏa thuận giữa các bên. Tính đến ngày 29/8/2023, ông Huỳnh Văn K còn nợ gốc quá hạn là 14.140.589.873 đồng; nợ lãi 1.882.368.601 đồng, tổng nợ gốc và lãi là 16.022.958.474 đồng. Do vậy, Ngân hàng A khởi kiện đến Tòa án yêu cầu ông Huỳnh Văn K và bà Đặng Thị T phải trả toàn bộ tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm (29/8/2023) là 16.022.958.474 đồng. Trường hợp ông Huỳnh Văn K và bà Đặng Thị T không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì Tòa án cho phát mãi tài sản thế chấp mà ông K, bà T đã thế chấp để thu hồi nợ.

Tại bản tự khai, các lời khai có trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Huỳnh Văn K trình bày:

Vào ngày 05/8/2016, ông có vay của Ngân hàng N số tiền là 14.847.450.000 đồng, nhằm mục đích đóng mới tàu đi biển theo Nghị định Chính phủ. Việc đóng tàu đã hoàn thành và vợ chồng ông đã dùng tàu cá số đăng ký QNa-91829-TS cùng toàn bộ ngư lưới cụ để thế chấp đảm bảo khoản vay này của Ngân hàng A. Theo hợp đồng vay thì ông có nghĩa vụ trả nợ trong thời hạn 14 năm 05 tháng, theo phân kỳ hạn trả nợ hằng năm thì hết nợ. Từ khi vay đến nay, ông K trả nợ gốc với số tiền là 706.860.163 đồng. Sau đó, thì không trả gốc và lãi đúng theo thỏa thuận, do gặp khó khăn trong việc khai thác thủy hải sản. Theo bản thân ông thì hiện nay với điều kiện khó khăn trong khai thác hải sản và kinh tế gia đình thì chỉ có khả năng trả nợ mỗi năm là 400.000.000 đồng, chứ không thể trả nợ toàn bộ theo như yêu cầu của Ngân hàng A.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đặng Thị T thống nhất theo lời trình bày của ông Huỳnh Văn K.

Với nội dung vụ án như trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 25/2023/DS-ST ngày 29/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam đã căn cứ các Điều 26, 35, 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 317, 319, 323, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 91, Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng; Điều 27, Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng N (A) đối với bị đơn ông Huỳnh Văn K và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đặng Thị T về thực hiện nghĩa vụ trả nợ vay.

Buộc ông Huỳnh Văn K và bà Đặng Thị T phải có nghĩa vụ trả nợ vay cho Ngân hàng N (A) số tiền tính đến ngày 29/8/2023 là 16.022.958.474 đồng. Trong đó, nợ gốc là 14.140.589.873 đồng; nợ lãi 1.882.368.601 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 29/8/2023) cho đến khi thi hành án xong, ông Huỳnh Văn K và bà Đặng Thị T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất của các bên thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 4208-LAV-201601535/HĐTD ngày 05/8/2016.

Trường hợp ông Huỳnh Văn K và bà Đặng Thị T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc thực hiện nghĩa vụ trả nợ không đầy đủ thì Ngân hàng N (A) được quyền phát mãi toàn bộ tài sản là tàu cá số đăng ký QNa-91829-TS và toàn bộ ngư lưới cụ phục vụ việc đánh bắt thủy hải sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 08/08/2016/TC/HTTL ngày 05/8/2016 và Phụ lục hợp đồng thế chấp tài sản số 18/03/2017/TC/HTTL-PL ngày 15/3/2017 đã được ký kết giữa Ngân hàng N (A) và ông Huỳnh Văn K, bà Đặng Thị T.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 07/9/2023, bị đơn ông Huỳnh Văn K có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm: Thẩm phán được phân công trực tiếp giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về việc thụ lý vụ án, về thời hạn giải quyết vụ án, về việc chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nghiên cứu để tham gia xét xử. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; người kháng cáo thay đổi nội dung kháng cáo, đề nghị mỗi năm bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc và lãi từ 400.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn ông Huỳnh Văn K thì thấy:

[2.1] Theo sự thừa nhận của các đương sự, thể hiện: ngày 05/8/2016, giữa Ngân hàng N và ông Huỳnh Văn K có ký kết Hợp đồng tín dụng số 4208-LAV-201601535/HĐTD; theo thỏa thuận của các bên thì Ngân hàng N cho vợ chồng ông Huỳnh Văn K vay số tiền là 14.989.000.000 đồng, nhằm mục đích đóng mới tàu cá và mua sắm trang thiết bị phục vụ cho việc khai thác hải sản xa bờ theo quy định của Nghị định số 67/2014/NĐ-CP; thời hạn vay là 15 năm 05 tháng; thời hạn trả nợ là 14 năm 05 tháng, theo phân kỳ trả nợ hằng năm. Thực hiện hợp đồng vay, Ngân hàng N đã giải ngân cho vợ chồng ông Huỳnh Văn K số tiền là 14.847.450.000 đồng. Vợ chồng ông Huỳnh Văn K chỉ trả được số tiền nợ gốc là 706.860.163 đồng; ngoài ra, vợ chồng ông K không trả nợ đúng theo thỏa thuận giữa các bên. Tính đến thời điểm ngày 29/8/2023, vợ chồng ông Huỳnh Văn K còn nợ Ngân hàng N số tiền là 16.022.958.474 đồng.

[2.2] Xét thấy, Hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng N với vợ chồng ông Huỳnh Văn K được ký kết dựa trên sự tự nguyện thỏa thuận giữa các bên nên được pháp luật công nhận. Do vợ chồng ông Huỳnh Văn K vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên nguyên đơn khởi kiện và được Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận, buộc vợ chồng ông Huỳnh Văn K, bà Đặng Thị T phải trả toàn bộ tiền nợ gốc, nợ lãi cho Ngân hàng N, với tổng số tiền 16.022.958.474 đồng là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Đối với kháng cáo của bị đơn ông Huỳnh Văn K về việc đề nghị được trả một phần tiền nợ gốc và nợ lãi cho Ngân hàng N mỗi năm với số tiền từ 400.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, nhưng không được nguyên đơn chấp nhận. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm theo như đề nghị của Kiểm sát viên.

[3] Án phí dân sự phúc thẩm: Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo nên bị đơn ông Huỳnh Văn K phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp.

[4] Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét và đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Huỳnh Văn K, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 25/2023/DS-ST ngày 29 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam.

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 38, 39 và 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 91 và Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng; Điều 27 và Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng N (A) đối với bị đơn ông Huỳnh Văn K và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đặng Thị T về thực hiện nghĩa vụ trả nợ vay.

Buộc ông Huỳnh Văn K và bà Đặng Thị T phải có nghĩa vụ trả nợ vay cho Ngân hàng N (A) số tiền tính đến ngày 29/8/2023 là 16.022.958.474 (Mười sáu tỷ, không trăm hai mươi hai triệu, chín trăm năm mươi tám nghìn, bốn trăm bảy mươi bốn) đồng. Trong đó, nợ gốc là 14.140.589.873 (Mười bốn tỷ, một trăm bốn mươi triệu, năm trăm tám mươi chín nghìn, tám trăm bảy mươi ba) đồng; nợ lãi 1.882.368.601 (Một tỷ, tám trăm tám mươi hai triệu, ba trăm sáu mươi tám nghìn, sáu trăm lẻ một) đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 29/8/2023) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 4208-LAV-201601535/HĐTD ngày 05/8/2016 giữa Ngân hàng N và ông Huỳnh Văn K.

Án phí dân sự phúc thẩm: bị đơn ông Huỳnh Văn K phải chịu số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000193 ngày 11/9/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam (do bà Đặng Thị T nộp thay).

Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (24/4/2024).

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Quảng Nam;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- TAND huyện Núi Thành;
- Chi cục THADS huyện Núi Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

(Đã ký)

Phạm Quốc Bảo